Phụ lục 10

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học kỳ: 2 – Năm học: 2025 – 2026

Môn học/Nhóm: Cầu Lông – HP (23401606) Số tín chỉ: 02
CBGD: Nguyễn Thanh Bình

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	Điểm quá trình	Ghi chú
1	2125240058	Hoa Quốc	Anh	30/10/2007	Tiếng Anh B	6.0	5.0	5.0	5.3	
2	2125240010	Nguyễn Tấn	Anh	05/01/2007	Tiếng Anh A	8.0	5.0	5.0	5.8	
3	2125240006	Nguyễn Thị Kim	Anh	04/05/2001	Tiếng Anh A	10.0	8.0	7.0	8.0	
4	2125240023	Vũ Thị Lan	Anh	24/01/2006	Logistics B	5.0	5.0	5.0	5.0	
5	2125140093	Huỳnh Gia	Bảo	15/07/2007	Công nghệ KT cơ điện tử C	8.0	9.0	7.0	7.8	
6	2125240057	Nguyễn Thị Diệu	Châu	02/02/2007	Tiếng Anh B	7.0	5.0	5.0	5.5	
7	2125140085	Hồ Nguyễn Thành	Đạt	14/01/2007	Công nghệ KT cơ điện tử C	8.0	9.0	5.0	6.8	
8	2125240004	Trương Thành	Dư	30/04/2004	Tiếng Anh A	10.0	8.0	8.0	8.5	
9	2124040112	Nguyễn Phú Duy	Đức	14/11/2006	Công nghệ chế tạo máy C	8.0	5.0	5.0	5.8	
10	2125240066	Trần Anh	Đức	12/08/2007	Tiếng Anh B	10.0	8.0	7.0	8.0	
11	2125240069	Nguyễn Phương	Dung	03/08/2007	Tiếng Anh B	7.0	5.0	5.0	5.5	
12	2125040084	Nguyễn Tiến	Dũng	19/06/2007	Công nghệ chế tạo máy C	9.0	7.0	7.0	7.5	
13	2125240070	Lê Nhất	Duy	28/11/2007	Tiếng Anh B	10.0	7.0	7.0	7.8	
14	2125240042	Trần Thị Thu	Hằng	25/07/2006	Tiếng Anh B	10.0	7.0	7.0	7.8	
15	2125240002	Nguyễn Minh	Hiếu	11/08/2007	Tiếng Anh A	10.0	9.0	8.0	8.8	
16	2125240027	Đỗ Minh	Hoài	13/03/2007	Tiếng Anh A	10.0	7.0	5.0	6.8	
17	2125240008	Phạm Trung	Hoành	10/07/2007	Tiếng Anh A	9.0	5.0	5.0	6.0	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	Điểm quá trình	Ghi chú
18	2124040105	Hồ Trường	Hùng	10/04/2006	Công nghệ chế tạo máy C	10.0	9.0	9.0	9.3	
19	2125240007	Trần Văn	Hùng	11/11/2000	Tiếng Anh A	0.0	0.0	0.0	0.0	
20	2125240009	Đoàn Ngọc Thiên	Hương	14/12/2007	Tiếng Anh A	7.0	5.0	5.0	5.5	
21	2125240074	Nguyễn Thị Ngọc	Hương	12/04/2007	Tiếng Anh B	8.0	5.0	7.0	6.8	
22	2124040091	Mai Đức	Huy	24/06/2006	Công nghệ chế tạo máy C	8.0	7.0	5.0	6.3	
23	2125240020	Lâm Xuân	Khánh	28/03/2007	Tiếng Anh A	7.0	5.0	5.0	5.5	
24	2125240046	Nguyễn Minh	Khôi	19/02/2007	Tiếng Anh B	10.0	7.0	7.0	7.8	
25	2125240005	Huỳnh Tuấn	Kiệt	15/06/2006	Tiếng Anh A	6.0	8.0	8.0	7.5	
26	2125240016	Vũ Thế	Kiệt	12/06/2007	Tiếng Anh A	0.0	0.0	0.0	0.0	
27	2125240067	Nguyễn Thân Việt	Kiều	09/04/2007	Tiếng Anh B	9.0	8.0	8.0	8.3	
28	2125240043	Trịnh Quang	Lỉnh	30/10/2005	Tiếng Anh B	6.0	7.0	7.0	6.8	
29	2125240024	Nguyễn Thị	Loan	06/05/1983	Tiếng Anh A	8.0	7.0	7.0	7.3	
30	2125240075	Huỳnh Bảo	Lộc	20/09/2003	Tiếng Anh B	0.0	0.0	0.0	0.0	
31	2125240114	Nguyễn Ngọc Hoa	Ly	17/10/2005	Tiếng Anh A	8.0	5.0	5.0	5.8	
32	2125240051	Phạm Bích	Ly	17/10/2007	Tiếng Anh B	7.0	5.0	5.0	5.5	
33	2125240076	Nguyễn Xuân	Mai	03/01/2007	Tiếng Anh B	5.0	5.0	5.0	5.0	
34	2125140108	Võ Duy	Mạnh	24/09/2006	Công nghệ KT cơ điện tử C	9.0	7.0	5.0	6.5	
35	2125240040	Nguyễn Thị Mỹ	Ngân	08/05/2004	Tiếng Anh B	7.0	5.0	5.0	5.5	
36	2125240022	Thông Thị Kim	Ngân	30/08/2007	Tiếng Anh A	9.0	7.0	7.0	7.5	
37	2125040087	Vi Minh	Nghĩa	10/12/2007	Công nghệ chế tạo máy C	7.0	5.0	5.0	5.5	
38	2125240071	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	01/01/2007	Tiếng Anh B	7.0	5.0	5.0	5.5	
39	2125240014	Cao Thanh	Nguyên	10/04/2007	Tiếng Anh A	6.0	5.0	5.0	5.3	
40	2125140200	Võ Thiện	Nhân	21/08/2007	Công nghệ KT cơ điện tử C	10.0	7.0	7.0	7.8	
41	2125240101	Nguyễn Ngọc	Nhi	21/06/2007	Tiếng Anh B	2.0	2.0	2.0	2.0	
42	2125240033	Trần Yến	Nhi	29/11/2007	Tiếng Anh A	7.0	5.0	5.0	5.5	
43	2125240064	Trương Thảo	Nhi	05/05/2007	Tiếng Anh B	8.0	5.0	5.0	5.8	
44	2125240048	Phạm Thị Kim	Nhung	30/11/2007	Tiếng Anh B	6.0	5.0	5.0	5.3	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	Điểm quá trình	Ghi chú
45	2125240032	Đào Kim	Phi	06/02/2007	Tiếng Anh A	8.0	7.0	7.0	7.3	
46	2125240034	Đỗ Hoàng	Phúc	13/07/2007	Tiếng Anh A	7.0	8.0	7.0	7.3	
47	2125240082	Dương Hoàng	Phúc	03/12/2007	Tiếng Anh B	10.0	7.0	7.0	7.8	
48	2125170013	Hứa Hoàng Minh	Phương	21/12/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô A	8.0	10.0	9.0	9.0	
49	2125240015	Phan Thị Ngọc	Phương	28/04/2006	Tiếng Anh A	7.0	5.0	6.0	6.0	
50	2125040082	Lê Minh	Quân	13/11/2007	Công nghệ chế tạo máy C	5.0	5.0	5.0	5.0	
51	2125240026	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	08/09/2006	Tiếng Anh A	10.0	10.0	7.0	8.5	
52	2124040089	Phạm Hữu	Tài	03/02/2006	Công nghệ chế tạo máy C	10.0	9.0	9.0	9.3	
53	2125240047	Nguyễn Nhân	Tâm	07/11/2005	Tiếng Anh B	10.0	7.0	7.0	7.8	
54	2125240062	Lưu Thị Hồng	Thắm	14/09/2007	Tiếng Anh B	8.0	5.0	6.0	6.3	
55	2125240049	Lê Thị Phương	Thảo	24/09/2007	Tiếng Anh B	6.0	5.0	5.0	5.3	
56	2125240038	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	11/04/2007	Tiếng Anh B	6.0	5.0	5.0	5.3	
57	2125240018	Nguyễn Anh	Thư	16/10/2007	Tiếng Anh A	6.0	7.0	6.0	6.3	
58	2125240017	Trần Ngọc Minh	Thư	30/09/2007	Tiếng Anh A	7.0	5.0	5.0	5.5	
59	2125240056	Lê Hồng	Thuận	11/10/2007	Tiếng Anh B	0.0	0.0	0.0	0.0	
60	2125240073	Nguyễn Hoàng Phương	Thuỳ	19/10/2007	Tiếng Anh B	10.0	7.0	7.0	7.8	
61	2125240060	Huỳnh Thị Hồng	Thủy	26/01/2007	Tiếng Anh B	8.0	5.0	5.0	5.8	
62	2125240055	Phan Nguyễn Mỹ	Tiên	29/08/2007	Tiếng Anh B	9.0	5.0	5.0	6.0	
63	2125240065	Nguyễn Thùy	Trang	25/09/2007	Tiếng Anh B	7.0	5.0	5.0	5.5	
64	2125240028	Trương Huy	Tuấn	27/11/2006	Tiếng Anh A	10.0	9.0	9.0	9.3	
65	2125240104	Lê Thị Thanh	Tuyền	03/03/2007	Tiếng Anh A	6.0	5.0	5.0	5.3	
66	2125240072	Đào Phương	Uyên	02/06/2006	Tiếng Anh B	6.0	5.0	5.0	5.3	
67	2125240037	Nguyễn Thị Ngọc	Uyên	28/03/2007	Tiếng Anh B	7.0	5.0	5.0	5.5	
68	2125240059	Trần Nguyễn Thảo	Uyên	05/11/2007	Tiếng Anh A	10.0	7.0	7.0	7.8	
69	2125240029	Nguyễn Phước	Vạn	31/05/2005	Tiếng Anh A	10.0	7.0	7.0	7.8	
70	2125240019	Trần Thị Thanh	Xuân	11/02/2005	Tiếng Anh A	0.0	0.0	0.0	0.0	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	Điểm quá trình	Ghi chú
71	2125240068	Nguyễn Hoàng	Yến	20/02/2007	Tiếng Anh A	8.0	5.0	5.0	5.8	

TPHCM , ngày 7 tháng 07 năm 2026

Giảng viên

Nguyễn Thanh Bình

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC/HỌC PHẦN

Học kỳ: 2 – Năm học: 2025 – 2026

Môn học/Nhóm: Cầu Lông – HP (23401606) Số tín chỉ: 02
CBGD: Nguyễn Thanh Bình

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
1	2125240058	Hoa Quốc	Anh	30/10/2007	CCQ2524B	5.3	5.0	5,10	
2	2125240010	Nguyễn Tấn	Anh	05/01/2007	CCQ2524A	5.8	6.0	5,90	
3	2125240006	Nguyễn Thị Kim	Anh	04/05/2001	CCQ2524A	8.0	5.0	6,20	
4	2125240023	Vũ Thị Lan	Anh	24/01/2006	CCQ2530B	5.0	5.0	5,00	
5	2125140093	Huỳnh Gia	Bảo	15/07/2007	CCQ2514C	7.8	5.0	6,10	
6	2125240057	Nguyễn Thị Diệu	Châu	02/02/2007	CCQ2524B	5.5	5.0	5,20	
7	2125140085	Hồ Nguyễn Thành	Đạt	14/01/2007	CCQ2514C	6.8	8.0	7,50	
8	2125240004	Trương Thành	Dư	30/04/2004	CCQ2524A	8.5	5.0	6,40	
9	2124040112	Nguyễn Phú Duy	Đức	14/11/2006	CCQ2404C	5.8	5.0	5,30	
10	2125240066	Trần Anh	Đức	12/08/2007	CCQ2524B	8.0	5.0	6,20	
11	2125240069	Nguyễn Phương	Dung	03/08/2007	CCQ2524B	5.5	5.0	5,20	
12	2125040084	Nguyễn Tiến	Dũng	19/06/2007	CCQ2504C	7.5	5.0	6,00	
13	2125240070	Lê Nhất	Duy	28/11/2007	CCQ2524B	7.8	5.0	6,10	
14	2125240042	Trần Thị Thu	Hằng	25/07/2006	CCQ2524B	7.8	5.0	6,10	
15	2125240002	Nguyễn Minh	Hiếu	11/08/2007	CCQ2524A	8.8	5.0	6,50	
16	2125240027	Đỗ Minh	Hoài	13/03/2007	CCQ2524A	6.8	5.0	5,70	
17	2125240008	Phạm Trung	Hoành	10/07/2007	CCQ2524A	6.0	6.0	6,00	
18	2124040105	Hồ Trường	Hùng	10/04/2006	CCQ2404C	9.3	5.0	6,70	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
19	2125240007	Trần Văn	Hùng	11/11/2000	CCQ2524A	0.0	0.0	0,00	Nghĩ
20	2125240009	Đoàn Ngọc Thiên	Hương	14/12/2007	CCQ2524A	5.5	5.0	5,20	
21	2125240074	Nguyễn Thị Ngọc	Hương	12/04/2007	CCQ2524B	6.8	7.0	6,90	
22	2124040091	Mai Đức	Huy	24/06/2006	CCQ2404C	6.3	5.0	5,50	
23	2125240020	Lâm Xuân	Khánh	28/03/2007	CCQ2524A	5.5	5.0	5,20	
24	2125240046	Nguyễn Minh	Khôi	19/02/2007	CCQ2524B	7.8	5.0	6,10	
25	2125240005	Huỳnh Tuấn	Kiệt	15/06/2006	CCQ2524A	7.5	9.0	8,40	
26	2125240016	Vũ Thế	Kiệt	12/06/2007	CCQ2524A	0.0	0.0	0,00	Nghĩ
27	2125240067	Nguyễn Thân Việt	Kiều	09/04/2007	CCQ2524B	8.3	7.0	7,50	
28	2125240043	Trịnh Quang	Lỉnh	30/10/2005	CCQ2524B	6.8	0.0	2,70	
29	2125240024	Nguyễn Thị	Loan	06/05/1983	CCQ2524A	7.3	6.0	6,50	
30	2125240075	Huỳnh Bảo	Lộc	20/09/2003	CCQ2524B	0.0	0.0	0,00	Nghĩ
31	2125240114	Nguyễn Ngọc Hoa	Ly	17/10/2005	CCQ2524A	5.8	5.0	5,30	
32	2125240051	Phạm Bích	Ly	17/10/2007	CCQ2524B	5.5	5.0	5,20	
33	2125240076	Nguyễn Xuân	Mai	03/01/2007	CCQ2524B	5.0	5.0	5,00	
34	2125140108	Võ Duy	Mạnh	24/09/2006	CCQ2514C	6.5	5.0	5,60	
35	2125240040	Nguyễn Thị Mỹ	Ngân	08/05/2004	CCQ2524B	5.5	5.0	5,20	
36	2125240022	Thông Thị Kim	Ngân	30/08/2007	CCQ2524A	7.5	5.0	6,00	
37	2125040087	Vi Minh	Nghĩa	10/12/2007	CCQ2504C	5.5	6.0	5,80	
38	2125240071	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	01/01/2007	CCQ2524B	5.5	5.0	5,20	
39	2125240014	Cao Thanh	Nguyên	10/04/2007	CCQ2524A	5.3	5.0	5,10	
40	2125140200	Võ Thiện	Nhân	21/08/2007	CCQ2514C	7.8	5.0	6,10	
41	2125240101	Nguyễn Ngọc	Nhi	21/06/2007	CCQ2524B	2.0	5.0	3,80	
42	2125240033	Trần Yến	Nhi	29/11/2007	CCQ2524A	5.5	5.0	5,20	
43	2125240064	Trương Thảo	Nhi	05/05/2007	CCQ2524B	5.8	5.0	5,30	
44	2125240048	Phạm Thị Kim	Nhung	30/11/2007	CCQ2524B	5.3	5.0	5,10	
45	2125240032	Đào Kim	Phi	06/02/2007	CCQ2524A	7.3	5.0	5,90	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
46	2125240034	Đỗ Hoàng	Phúc	13/07/2007	CCQ2524A	7.3	5.0	5,90	
47	2125240082	Dương Hoàng	Phúc	03/12/2007	CCQ2524B	7.8	6.0	6,70	
48	2125170013	Hứa Hoàng Minh	Phương	21/12/2007	CCQ2517A	9.0	8.0	8,40	
49	2125240015	Phan Thị Ngọc	Phương	28/04/2006	CCQ2524A	6.0	5.0	5,40	
50	2125040082	Lê Minh	Quân	13/11/2007	CCQ2504C	5.0	5.0	5,00	
51	2125240026	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	08/09/2006	CCQ2524A	8.5	8.0	8,20	
52	2124040089	Phạm Hữu	Tài	03/02/2006	CCQ2404C	9.3	8.0	8,50	
53	2125240047	Nguyễn Nhân	Tâm	07/11/2005	CCQ2524B	7.8	8.0	7,90	
54	2125240062	Lưu Thị Hồng	Thắm	14/09/2007	CCQ2524B	6.3	5.0	5,50	
55	2125240049	Lê Thị Phương	Thảo	24/09/2007	CCQ2524B	5.3	5.0	5,10	
56	2125240038	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	11/04/2007	CCQ2524B	5.3	5.0	5,10	
57	2125240018	Nguyễn Anh	Thư	16/10/2007	CCQ2524A	6.3	0.0	2,50	
58	2125240017	Trần Ngọc Minh	Thư	30/09/2007	CCQ2524A	5.5	5.0	5,20	
59	2125240056	Lê Hồng	Thuận	11/10/2007	CCQ2524B	0.0	0.0	0,00	Nghỉ
60	2125240073	Nguyễn Hoàng Phương	Thuỳ	19/10/2007	CCQ2524B	7.8	5.0	6,10	
61	2125240060	Huỳnh Thị Hồng	Thủy	26/01/2007	CCQ2524B	5.8	5.0	5,30	
62	2125240055	Phan Nguyễn Mỹ	Tiên	29/08/2007	CCQ2524B	6.0	6.0	6,00	
63	2125240065	Nguyễn Thùy	Trang	25/09/2007	CCQ2524B	5.5	5.0	5,20	
64	2125240028	Trương Huy	Tuấn	27/11/2006	CCQ2524A	9.3	6.0	7,30	
65	2125240104	Lê Thị Thanh	Tuyền	03/03/2007	CCQ2524A	5.3	5.0	5,10	
66	2125240072	Đào Phương	Uyên	02/06/2006	CCQ2524B	5.3	5.0	5,10	
67	2125240037	Nguyễn Thị Ngọc	Uyên	28/03/2007	CCQ2524B	5.5	5.0	5,20	
68	2125240059	Trần Nguyễn Thảo	Uyên	05/11/2007	CCQ2524A	7.8	5.0	6,10	
69	2125240029	Nguyễn Phước	Vạn	31/05/2005	CCQ2524A	7.8	5.0	6,10	
70	2125240019	Trần Thị Thanh	Xuân	11/02/2005	CCQ2524A	0.0	0.0	0,00	Nghỉ
71	2125240068	Nguyễn Hoàng	Yến	20/02/2007	CCQ2524A	5.8	5.0	5,30	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú

TPHCM , ngày 7 tháng 7 năm 2026

Giảng viên

Nguyễn Thanh Bình